

Số:369/QĐ-TTYT

Tam Nông, ngày 12 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Nội dung thực hành đối Y sĩ đa khoa để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh của Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 15/2023/QH15 ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT về việc Quy định một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- K2ĐT ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ chương trình và tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng mới; Hướng dẫn tổ chức, quản lý đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng mới;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Nội dung thực hành đối Y sĩ đa khoa để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh” tại Trung tâm Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Điều dưỡng và Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và các khoa, phòng, Trạm Y tế có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Trí

NỘI DUNG THỰC HÀNH ĐỐI VỚI Y SĨ ĐA KHOA ĐỂ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:369/QĐ-TTYYT, ngày 12 tháng 4 năm 2024
của Trung tâm Y tế huyện Tam Nông)*

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Y sĩ đa khoa.
- Thời gian: 9 tháng.
- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế huyện Tam Nông.
- Điều kiện người hướng dẫn thực hành và việc tổ chức thực hành: Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

II. Mục tiêu thực hành:

Sau khi thực hành 9 tháng, Y sĩ đa khoa cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp tuyến cơ sở.
- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện kỹ năng khám bệnh tại tuyến cơ sở.
- Thực hiện một số kỹ năng sơ cứu ban đầu.
- Thực hiện được kê đơn thuốc.
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của y sĩ đa khoa được quy định tại Phụ lục X Thông tư 32/2023/TT-BYT về việc quy định một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Thái độ:

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

III. Nội dung thực hành

1. Kết cấu nội dung:

- Bao gồm các phần sau:

| Hệ | Khoa thực hành | Thời gian |
|----------------|--|------------------|
| Cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 03 tháng |
| Nội | Khoa Nội - Truyền nhiễm | 1.5 tháng |

| | | |
|-----------------------|--|-----------------|
| Ngoại | Khoa Ngoại – Phẫu ³ thuật – Gây mê hồi sức | 1.5 tháng |
| Sản | Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và Phụ sản | 1.5 tháng |
| Nhi | Khoa Nhi | 1.5 tháng |
| Tổng thời gian | | 09 tháng |

2. Danh mục bệnh học:

| TT | Nhóm bệnh | | Bệnh thường gặp |
|------------|-------------------------|-----|-----------------------------|
| I | Các bệnh cấp cứu | | |
| | | 1. | Sốt cao, sốt cao co giật |
| | | 2. | Cơn hen phế quản nặng |
| | | 3. | Cơn tăng huyết áp |
| | | 4. | Ngừng tim (ngừng tuần hoàn) |
| | | 5. | Nhồi máu cơ tim cấp |
| | | 6. | Sốc phản vệ |
| | | 7. | Suy hô hấp cấp |
| | | 8. | Xuất huyết tiêu hóa |
| | | 9. | Say nắng, say nóng |
| | | 10. | Sốt xuất huyết |
| II | Hệ hô hấp | | |
| | | 11. | Viêm mũi xoang |
| | | 12. | Viêm họng cấp, mạn |
| | | 13. | Viêm phế quản |
| | | 14. | Hen phế quản |
| III | Hệ tuần hoàn | | |
| | | 15. | Tăng huyết áp |
| IV | Hệ tiêu hóa | | |
| | | 16. | Hội chứng lỵ |
| | | 17. | Hội chứng ruột kích thích |
| | | 18. | Viêm gan cấp, mạn |
| | | 19. | Viêm dạ dày |

| | | | |
|-------------|---------------------|-----|-----------------------------|
| | | 20. | Loét dạ dày - hành tá tràng |
| | | 21. | Viêm đại tràng cấp, mạn |
| | | 22. | Sỏi mật |
| | | 23. | Viêm ruột thừa |
| V | Hệ tiết niệu | | |
| | | 24. | Viêm đường tiết niệu |
| | | 25. | Sỏi tiết niệu |
| VI | Ngoại khoa | | |
| | | 26. | Viêm ruột thừa |
| | | 27. | Lồng ruột |
| | | 28. | Sỏi mật |
| | | 29. | Viêm phúc mạc |
| | | 30. | Thoát vị bẹn |
| | | 31. | Vết thương phần mềm |
| | | 32. | Chấn thương bụng |
| | | 33. | Sỏi thận |
| | | 34. | Gãy xương các loại |
| VII | Da liễu | | |
| | | 36. | Mụn nhọt |
| | | 37. | Mề đay |
| | | 38. | Vẩy nến |
| | | 39. | Viêm da cơ địa |
| | | 40. | Bệnh zona thần kinh |
| XIII | Nhi khoa | | |
| | | 41. | Viêm phổi |

| | | | |
|-----------|-----------------|-----|---|
| | | 42. | Sốt xuất huyết |
| | | 43. | Tiêu chảy cấp |
| | | 44. | Thủy đậu |
| | | 45. | Bệnh chân tay miệng |
| IX | Sản khoa | | |
| | | 46. | Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng đầu thai |
| | | 47. | Theo dõi, đánh giá chuyển dạ đẻ thường |
| | | 48. | Theo dõi, đánh giá chuyển dạ bệnh lý |
| | | 49. | Thai ngoài tử cung |
| | | 50. | Viêm phần phụ |

3. Nội dung thực hành:

| Stt | Tên kỹ thuật | Số lần | Mức độ đạt | | |
|-----|---|--------|------------|-----|--------|
| | | | Kiến tập | Phụ | Tự làm |
| 1 | Lấy dấu hiệu sinh tồn, đo SpO ₂ | 1.000 | | | X |
| 2 | Khám bệnh | 500 | | | X |
| 3 | Vận chuyển người bệnh | 100 | | | X |
| 4 | Thực hiện thở oxy | 50 | | | X |
| 5 | Xoay trở người bệnh | 50 | | | X |
| 6 | Thay băng | 10 | | | X |
| 7 | Hút đàm qua nội khí quản | 100 | | | X |
| 8 | Phun khí dung | 10 | | | X |
| 9 | Thiết lập đường truyền tĩnh mạch ngoại biên | 100 | | | X |

| | | | | | |
|-------------|--|-------|--|---|---|
| 10 | Lấy mẫu xét nghiệm | 200 | | | X |
| 11 | Thụt tháo | 10 | | | X |
| 12 | Hút dịch qua sonde | 10 | | | X |
| 13 | Đặt thông tiêu | 10 | | | X |
| 14 | Xử lý dụng cụ | 50 | | | X |
| 15 | Vệ sinh máy thở | 10 | | X | |
| 16 | Đo điện tim | 100 | | | X |
| 17 | Cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn | 10 | | X | |
| 18 | Rửa dạ dày | 10 | | | X |
| 19 | Sử dụng máy: Máy đo SpO2, Monitor nhiều thông số, máy Bơm tiêm tự động, máy truyền dịch, máy thử đường huyết | 50 | | | X |
| 20 | Thực hiện truyền máu | 20 | | | X |
| 21 | Ghi chép hồ sơ bệnh án | 300 | | | X |
| Tổng | | 2.600 | | | |

IV. Kiểm tra và xác nhận quá trình thực hành:

Sau khi thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành phải tổ chức đánh giá quá trình thực hành và xác nhận thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.